

# GÓP PHẦN NÂNG CAO HIỆU QUẢ DẠY HỌC TRUYỆN NGẮN VIỆT NAM 1930-1945 (CHƯƠNG TRÌNH NGỮ VĂN 11)

○ NGUYỄN THỊ THU HIỀN\*

Đầu thế kỉ XX, nền văn học phát triển mạnh mẽ theo hướng hiện đại hóa, làm nên những thành tựu rực rỡ giai đoạn 1930-1945, đặc biệt với thể loại truyện ngắn. Đối với giáo viên (GV) Ngữ văn, việc tạo được «ấn tượng» sâu sắc cho học sinh (HS) trong tiết học về truyện ngắn thực sự là một thử thách, nhất là đối với những truyện ngắn kết tinh cả về giá trị nội dung lẫn giá trị nghệ thuật như truyện ngắn hiện đại Việt Nam giai đoạn 1930-1945. Bài viết đề xuất một vài biện pháp cụ thể nhằm góp phần nâng cao hiệu quả dạy học truyện ngắn Việt Nam giai đoạn này.

1. Phần đọc, tìm hiểu về tác giả, GV thường cung cấp cho HS những kiến thức cơ bản về tiểu sử, con người, sự nghiệp văn học, quan điểm nghệ thuật, quá trình sáng tác và tác phẩm chính của tác giả ấy. Tuy nhiên, có một thực tế là sau các bài học về tác phẩm hay tác giả..., đa số HS không nêu được những nét chính về sự nghiệp văn chương, nét nổi bật về phong cách nghệ thuật của tác giả đó.

Vấn đề đặt ra là GV cần làm gì để phân giới thiệu tác giả sinh động, dễ nhớ hơn? Kinh nghiệm cho thấy, sự liên hệ, suy luận mang tính logic giữa tác phẩm, thời đại, hoàn cảnh sáng tác, cuộc đời, cá tính nhà văn với quan điểm sáng tác và những đóng góp nghệ thuật của nhà văn là rất quan trọng. Chẳng hạn, với tác giả Thạch Lam, GV có thể đặt câu hỏi: *Cá tính Thạch Lam có tác động, ảnh hưởng đến nội dung sáng tác và phong cách nghệ thuật của ông không?* HS sẽ liên tưởng và suy luận từ tác phẩm, hoàn cảnh xuất thân, mối quan hệ gia đình, người thân của Thạch Lam, nhất là cá tính Thạch Lam: «người đôn hậu và rất đổi tinh tế» (1; tr.94) để làm sáng tỏ nội dung sáng tác và đặc trưng phong cách của tác giả: «truyện không có chuyện, chủ yếu khai thác thế giới nội tâm của nhân vật với những cảm xúc mong manh, mơ hồ trong cuộc sống thường ngày», «Mỗi truyện của Thạch Lam như một bài

thơ trữ tình, giọng điệu điềm đạm nhưng chứa đựng biết bao tình cảm mến yêu chân thành và sự nhạy cảm của tác giả...» (1; tr.94). Như vậy, bằng cách nêu vấn đề, hướng HS khai thác kiến thức cơ bản về cuộc đời, sự nghiệp văn học, quan điểm nghệ thuật của tác giả,... GV giúp HS rút ra những nhận xét nêu bật đặc trưng sáng tác của nhà văn ấy. Với cách làm này, HS biết vận dụng kiến thức đã có, biết liên hệ toàn diện (cá tính - con người - sự nghiệp văn chương...) để hình thành ấn tượng cô đọng, sâu sắc về tác giả. Để tạo chất *tinh* và *động* cho từng tác giả, GV có thể sử dụng thao tác so sánh. Ví dụ, so sánh Nguyễn Tuân với Thạch Lam, nếu Thạch Lam sống *đôn hậu, tác phẩm là những bài thơ trữ tình chứa đầy những rung cảm tinh tế*, thì Nguyễn Tuân mang nét cá tính «ngông», «ham mê xê dịch»,... *say mê tìm cái đẹp*, văn phong thể hiện sự *trau chuốt kĩ lưỡng*, tinh uyên bác.

Trong phần tìm hiểu về tác giả, GV cũng cần vận dụng phương pháp lịch sử, tức là đối chiếu từng giai đoạn lớn của cuộc đời, đặc điểm sáng tác của tác giả với hoàn cảnh lịch sử đất nước để thấy những thay đổi rõ nét về quan điểm, nội dung sáng tác của tác giả ấy. Ví dụ: dạy học về tác giả Nguyễn Tuân: Trước Cách mạng tháng Tám, trong hoàn cảnh đất nước bị thực dân Pháp đô hộ, thân phận người nghệ sĩ không thoát khỏi tình cảnh chung của người dân một nước nô lệ. Bức cảnh trước hoàn cảnh, Nguyễn Tuân «cố ý lấy cái «tôi» tài hoa, ngông nghênh của mình để đối lập với xã hội tầm thường, phàm tục» (1; tr.108). Nhưng sau Cách mạng tháng Tám, cùng với chất nghệ sĩ, tài năng độc đáo, không lặp lại, ông đi vào khám phá nét nghệ sĩ, tài hoa ở những con người lao động (Người lái đò Sông Đà). Hay, với nhà văn Nam Cao, «cuộc đời cầm bút, Nam Cao luôn suy nghĩ về vấn đề «sống và viết». Trong hoàn cảnh xã hội Việt Nam trước

\* Trưởng THPT Nguyễn Hữu Thọ, TP. Hồ Chí Minh

Cách mạng tháng Tám, ngòi bút Nam Cao hướng vào cuộc sống đầy bi kịch của người nông dân và tri thức nghèo. Nhà văn ý thức rằng: «Một tác phẩm thật giá trị phải vượt lên bên trên tất cả mọi bờ cõi và giới hạn, phải là một tác phẩm chung cho cả loài người...» (1; tr.139). Sau Cách mạng tháng Tám, Nam Cao «sẵn sàng hi sinh thứ «nghệ thuật cao siêu» của mình với ý nghĩ: Lợi ích của dân tộc là trên hết» (1; tr.139).

2. Đi sâu tìm hiểu tác phẩm, GV thường chú trọng phân tích nội dung, từ đó rút ra nét độc đáo về nghệ thuật hoặc phân tích nội dung, nghệ thuật rồi đưa ra nhận định, đánh giá về giá trị hiện thực, nhân đạo của tác phẩm. Bài học kết thúc, nhiều HS vẫn không nhớ được nhân vật và ý đồ nhà văn gửi gắm qua nhân vật, tác phẩm.

Có một nguyên tắc tâm lí là muốn nhớ lâu về một ai, một điều gì đó phải có nguyên cớ, đó là sự ám ảnh. Tạo ra sự ám ảnh là tạo ra một ấn tượng mạnh mẽ, duy nhất, tạo sự liên tưởng sâu đậm, dư ba. Khi dạy học «Hai đứa trẻ», để HS cảm nhận được bức tranh hiện thực phố huyện nghèo nàn, tăm tối,... số phận những người dân nghèo bé nhỏ, bé tấc, GV cần tạo được ở các em niềm «nhấn» tâm lí. Chẳng hạn, phát hiện sự lay động từ đôi mắt của nhân vật Liên. Đây cũng chính là «điểm nhìn» của Thạch Lam trong tác phẩm. GV có thể nêu câu hỏi: Từ cặp mắt quan sát của Liên, ta bắt gặp được những gì trong thế giới tâm trạng của nhân vật và trong tình cảm của Thạch Lam? HS suy nghĩ, phát hiện và nhận xét. Chẳng hạn (dự kiến HS trả lời): Đôi mắt của nhân vật chứa đựng mọi cung bậc của tâm trạng: buồn, vui, đồng cảm xót thương, nỗi đau nén lặng, mong đợi khắc khoải,... thắm sâu, yên tĩnh và chịu đựng. Hầu hết các câu văn hướng ngoại có vẻ như tả cảnh bên ngoài nhưng cặp mắt quan sát kĩ lưỡng ấy là sự diễn đạt của một thế giới tâm hồn đa cảm, dạt dào những rung ngân. Cặp mắt Liên với những góc nhìn tinh tế, phải chăng là biểu hiện của một tâm hồn đẹp, tràn đầy yêu thương, đầy tính nhân văn của Thạch Lam? Đây chính là Thạch Lam, văn Thạch Lam hướng nội, chan chứa một tình yêu, tình yêu quê hương, tình yêu dành cho người dân nghèo ở làng quê,...

3. Dạy học truyện ngắn Việt Nam 1930-1945, bên cạnh thao tác giúp HS tiếp nhận tác phẩm ở các phương diện cốt truyện, nhân vật, kết cấu, chi tiết, tình huống,... GV cũng cần giúp HS có cái nhìn bao quát về truyện ngắn giai đoạn này

như: Hoàn cảnh xã hội, khuynh hướng sáng tác, quan niệm nghệ thuật, sắc điệu thẩm mĩ. Ở khuynh hướng Văn học lãng mạn và Văn học hiện thực Việt Nam giai đoạn 1930-1945, từ phong cách, bút pháp đến giọng điệu,... đều có những cách tân. GV nên đặt vấn đề này để HS cảm thức, chiêm nghiệm. Chẳng hạn, có thể nêu câu hỏi: Những thành công rực rỡ của các tác phẩm truyện ngắn hiện đại Việt Nam 1930-1945 đã làm cho anh/chị có suy nghĩ gì về sức sống văn học dân tộc? Dự kiến kết luận: Diễn biến lịch sử và hiện thực cuộc sống nhiều biến động là cái «nền» cho những ngòi bút điêu luyện, cho sự nhạy cảm của nhà văn trước thời đại mới. Chưa bao giờ văn đàn tỏa sáng như giai đoạn này. Kết tinh của sự tương tác, giao thoa giữa nhà văn - hiện thực lịch sử là những tên tuổi, những thành tựu văn học rực rỡ. HS có sự phân tích, đối sánh trong mối tương quan giữa nhà văn - tác phẩm - trào lưu nghệ thuật và thời đại hay không là phụ thuộc ở GV. Dạng câu hỏi mở: Số phận, cuộc đời nhân vật trong tác phẩm đã phản ánh xa hội đương thời như thế nào? Anh/chị có thể tưởng tượng ra đời sống vật chất, văn hóa tinh thần của người dân Việt giai đoạn này, sau khi học tác phẩm không? Điều gì khiến nhân vật thân thuộc, gần gũi nhưng cũng đầy sức cuốn hút đối với anh/chị?... giúp HS tái hiện chân dung quá khứ (sự kiện lịch sử, con người, quan hệ xã hội, giai cấp,...); kêu gọi bản khoả, đánh thức tư duy, tình cảm của người học tư tính chân thực lịch sử, tính nhân văn và sự lắng đọng ở tầng mạch văn hóa mà nhà văn để lại trong tác phẩm.

\* \* \*

Để HS có ấn tượng về tác phẩm được học, nhớ những nét chính về cuộc đời, sự nghiệp tác giả, nắm được hệ thống nhân vật, dụng ý nghệ thuật của tác giả, GV cần đầu tư thời gian, tâm trí cho bài giảng, chọn cách tiếp cận và khai thác văn bản hợp lí; về phía HS, cần phát huy tinh thần tích cực, chủ động và sáng tạo trong học tập. □

(1) Bộ GD-ĐT. Ngữ văn 11, tập 1. NXB Giáo dục, H. 2009.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ GD-ĐT. Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn. NXB Giáo dục, H. 2005.

2. Nguyễn Viết Chữ. Phương pháp dạy học tác phẩm

(Xem tiếp trang 41)

giáo DTTS học TV, nguyên tắc, nội dung, phương pháp chuẩn bị TV cho trẻ em DTTS. Đặc biệt, cần hướng dẫn GV cách xây dựng kế hoạch giáo dục tăng cường TV cho trẻ mẫu giáo DTTS ở mỗi chủ đề trong thực hiện chương trình giáo dục mầm non, cách xác định mục tiêu phát triển ngôn ngữ phù hợp với khả năng của trẻ DTTS và mục tiêu cần đạt của chủ đề theo Chương trình giáo dục mầm non, cách tổ chức môi trường lớp học, xây dựng kế hoạch tuần và tổ chức thực hiện các hoạt động trong mỗi chủ đề. □

#### Tài liệu tham khảo

1. Trần Ngọc Trâm - Bùi Thị Kim Tuyến. **Hướng dẫn chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ mẫu giáo vùng dân tộc thiểu số (mẫu giáo bé 3-4 tuổi)**. NXB Giáo dục Việt Nam, H. 2011.
2. Trần Ngọc Trâm - Bùi Thị Kim Tuyến. **Hướng dẫn**

**chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ mẫu giáo vùng dân tộc thiểu số (mẫu giáo bé 4-5 tuổi)**. NXB Giáo dục Việt Nam, H. 2011.

3. Phạm Ngọc Thường (chủ biên) - Lộc Bích Kiệm - Triệu Thị Kim Vân. **Học tiếng Nùng**. NXB Đại học Thái Nguyên, 2009.
4. Phạm Ngọc Thường. **Lí thuyết xung hô và các cách xung hô trong tiếng Nùng**. NXB Đại học Thái Nguyên, 2009.

#### SUMMARY

*Like many other mountainous provinces of the country, in Lang Son, the preparation of Vietnamese language for pre-school children from ethnic minorities before the first grade having a lot of obstacles, the efficiency is limited. This paper explores the status and proposes a number of measures to strengthen the Vietnamese language for pre-school children from ethnic minorities in the mountainous areas of Lang Son province.*

## Góp phần nâng cao...

(Tiếp theo trang 49)

- văn chương theo loại thể. NXB Đại học sư phạm, H. 2003.
3. Nguyễn Thanh Hùng - Lê Thị Diệu Hoa. **Phương pháp dạy học ngữ văn trung học phổ thông - Những vấn đề cập nhật**. NXB Đại học sư phạm, H. 2007.
  4. Phan Trọng Luận. **Văn chương - bạn đọc sáng tạo**. NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2002.
  5. Nguyễn Đăng Mạnh **Những bài giảng về tác giả văn học**. NXB Giáo dục, H. 1999.
  6. Trần Đình Sử. **Đọc văn học văn**. NXB Giáo dục, H. 2001.
  7. Trịnh Xuân Vũ. **Phương pháp dạy học văn ở bậc trung học phổ thông**. NXB Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 1997.

#### SUMMARY

*To purpose of exchange and discussion with colleagues to improve teaching modern short story Vietnam period 1930-1945, the following article proposes some specific solutions which are described in this article is: 1) Focus elicitation methods to raise issues rather than lecturing or making question directly; 2) Highlight "positive", "creative" activities of students during reading time; 3) Train students for having the habit of reading on the specific types and the time axis.*

## Một số vấn đề lí luận...

(Tiếp theo trang 43)

- nước ta hiện nay vấn đề và giải pháp. NXB Văn hoá thông tin, H. 2007.
4. Trường Lưu. **Văn hóa - một số vấn đề lí luận**. NXB Chính trị quốc gia, H. 1999.

#### SUMMARY

*Study culture behavioral education for tertiary students has a significant meaning to form teacher's personality in the future. This well-performed work not only forms positive behavioral system and habit of students in study but also forms a firm foundation for the universities of education to build a healthy, scientific, friendly, well-disciplined, highly pedantic academic environment, contributing to the character of educational institutions. This writing mentions to basic theoretical issues concerning such study culture behavioral education as: meaning, objective, content, method and principle of study culture behavioral education for educational tertiary students.*

## Hướng dẫn học sinh trung học...

(Tiếp theo trang 52)

- trả lời câu hỏi và bài tập Lịch sử 12, tập 1. NXB Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2008.

#### SUMMARY

*For the students to study well the history subject is a difficult requirement to teachers today; for students to really love, passionate and study history is even harder. In addition to teaching and learning in class with many different teaching methods, teachers guide students to do extra-curricular exercises of the history through exploration of documents on the Internet is an effective form of education helping students positive, active, initially approach to participate in scientific research and passionate to subjects.*